



shòu tǐ

受体

noun · receptor

Example Sentences

zhè zhǒng yào wù zuò yòng yú shòu tǐ
这种药物作用于受体。

This drug acts on the receptor.

xì bāo biǎo miàn de shòu tǐ jiē shōu xìn hào
细胞表面的受体接收信号。

Receptors on the cell surface receive signals.

Trace each character, then write the word on your own.

受	受	受	受	受	受	受	受	受	受	受
体	体	体	体	体	体	体	体	体	体	体